TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42 /QĐ-VNS	*Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (VNS) được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/6/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày của Thủ tướng Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp (Nghị định 47);

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 396/QĐ-VNS ngày 04/10/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc ban hành bản sửa đổi, bổ sung "Quy chế Công bố thông tin của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

Xét Tờ trình số 1217/TTr-VNS ngày 19/10/2022 của Tổng Giám đốc Tổng công ty về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **"Quy chế Công bố thông tin của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP"**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Thép Việt Nam-CTCP; Trưởng các Ban nghiệp vụ Tổng công ty, Chánh văn phòng và Thư ký Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đảng uỷ Tcty;
- Chủ tịch HĐQT, các TV HĐQT;
- Các PTGĐ Tcty;
- Ban kiểm soát;
- Các ban nghiệp vụ, KTNB, VP;
- Thư ký Tổng công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100100... TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM CTCP Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Lê Song Lai

TỔNG CÔNG TY **THÉP VIỆT NAM-CTCP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do- Hạnh phúc**

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42 /QĐ-VNS ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về việc thực hiện công bố thông tin của Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

2. Quy định về hoạt động công bố thông tin đối với Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo quy định pháp luật về công bố thông tin của Doanh nghiệp nhà nước;

3. Việc phối hợp giữa các Ban/bộ phận/cá nhân của Tổng công ty trong việc công bố thông tin.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng cho việc công bố thông tin của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.

2. Quy chế này áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, thành viên Ban Kiểm toán nội bộ, Thư ký Tổng công ty, người được ủy quyền công bố thông tin, các Ban nghiệp vụ Tổng công ty và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP.

Điều 3. Các từ viết tắt

- CBTT	: Công bố thông tin;
-NTHCBTT/NCBTT	: Người thực hiện công bố thông tin;
- Tổng công ty	: Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP;
- HĐQT	: Hội đồng quản trị Tổng công ty;
- Ban TCKT	: Ban Tài chính kế toán Tổng công ty;
- Ban TCNS	: Ban Tổ chức nhân sự Tổng công ty;

- Ban KTĐT : Ban Kỹ thuật Đầu tư Tổng công ty;
- Ban KHTT : Ban Kế hoạch Khị trường Tổng công ty;
- Ban CNTT : Ban Công nghệ Thông tin;
- Ban TGTT : Ban Tuyên giáo Truyền thông;
- Ban nghiệp vụ : Các Ban nghiệp vụ và Văn phòng Tổng công ty;
- TCTLKCK : Tổng công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- SGDCK : Sở giao dịch chứng khoán;
- SCIC : Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
- Thông tư 96 : Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Nghị định 47 : Nghị định số 47/2001/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp 2020.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Người nội bộ* Tổng công ty bao gồm:

Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát; Thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Thư ký Tổng công ty, người phụ trách quản trị Tổng công ty (nếu có), người được ủy quyền CBTT của Tổng công ty.

2. *Người thực hiện công bố thông tin* là Tổng giám đốc hoặc người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin.

3. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

4. *Số cổ phiếu có quyền biểu quyết* của Tổng công ty là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Tổng công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

5. *Cổng thông tin doanh nghiệp* là Cổng thông tin điện tử có tên miền http://www.business.gov.vn do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý và vận hành.

6. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định, bao gồm: Cổng thông tin điện tử; Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN; Trang thông tin điện tử của SGDCK; Cổng thông tin doanh nghiệp và các phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của

SGDCK; trang thông tin điện tử của TCTLKCK; Cổng thông tin doanh nghiệp; các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử…).

7. *Ngày báo cáo công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

8. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4, Luật Chứng khoán 2019 và khoản 23, Điều 4, Luật Doanh nghiệp 2020.

9. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

10. *Cơ quan đại diện chủ sở hữu là* cơ quan tổ chức được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý và thực hiện quyền, trách nhiệm đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc CBTT của Tổng công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện.

3. Đối với hoạt động công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán quy định tại Chương II Quy chế này phải đảm bảo:

a. Tổng công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nội dung thông tin công bố.

b. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó, đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình với UBCKNN, SGDCK.

c. Việc CBTT phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định;

d. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên cổng thông tin điện tử của Tổng công ty tối thiểu là 05 năm.

e. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên cổng thông tin điện tử của Tổng công ty tối thiểu là 05 năm.

4. Đối với hoạt động công bố thông tin theo quy định pháp luật doanh nghiệp nhà nước được quy định tại Chương III Quy chế này phải đảm bảo:

a. Báo cáo công bố thông tin được xây dựng theo đúng mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này và được chuyển sang dữ liệu dưới dạng điện tử (định dạng file là PDF, Word, Exel). Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại báo cáo nêu tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này.

b. Báo cáo công bố thông tin qua mạng điện tử của doanh nghiệp có giá trị pháp lý như bản giấy, là cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ cho công tác thu thập, tổng hợp thông tin; kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

c. Báo cáo công bố thông tin phải được duy trì trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Cổng thông tin doanh nghiệp tối thiểu 05 năm. Tổng công ty thực hiện việc bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Ngôn ngữ công bố thông tin

Ngôn ngữ thực hiện CBTT của Tổng công ty là tiếng Việt.

Điều 7. Người thực hiện công bố thông tin

1. Việc CBTT của Tổng công ty do Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng giám đốc và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT.

2. Tổng giám đốc ủy quyền CBTT cho 01 cán bộ của Tổng công ty thực hiện:

a. Đối với hoạt động công bố thông tin theo pháp luật về chứng khoán: Văn bản ủy quyền đã được đăng ký theo mẫu Phụ lục I.1 cùng với Bản cung cấp thông tin theo mẫu Phụ lục I.2 (ban hành kèm theo Quy chế này) và gửi đến UBCKNN, SGDCK. Trường hợp thay đổi NCBTT, Tổng công ty thông báo bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

b. Đối với hoạt động công bố thông tin đối với doanh nghiệp nhà nước (Nghị định 47): Tổng công ty phải gửi Giấy ủy quyền theo Phụ lục II.1 của Quy chế này đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời công khai nội dung này trên cổng thông tin điện tử của Tổng công ty.

Điều 8. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng

Các đơn vị, cán bộ, nhân viên được Tổng giám đốc Tổng công ty ủy quyền làm việc với các phương tiện thông tin đại chúng thông qua một số hình thức như: trả lời phỏng vấn, đưa thông tin và viết bài về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP phải trình Tổng giám đốc các thông tin dự định cung cấp, đề cập… Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng.

CHƯƠNG II
CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG KHOÁN

Mục 1
PHƯƠNG TIỆN, HÌNH THỨC VÀ THỦ TỤC, QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Trình tự thực hiện công bố thông tin

1. Cung cấp, xử lý thông tin

Khi phát sinh thông tin phải công bố theo quy định, các Ban nghiệp vụ, Thư ký Tổng công ty và bộ phận liên quan của Tổng công ty chủ động (tùy theo nhiệm vụ và nội dung) lập báo cáo hoặc chuẩn bị các nội dung cần công bố và có ý kiến gửi Văn phòng Tổng công ty để lập văn bản công bố thông tin trình NCBTT của Tổng công ty.

Việc cung cấp thông tin của các Ban nghiệp vụ, bộ phận liên quan trong Tổng công ty cho Văn phòng phải được thực hiện bằng văn bản hoặc email đồng thời báo cáo cho NCBTT.

2. Trình NCBTT phê duyệt

Văn phòng phối hợp với các bộ phận liên quan tiến hành kiểm tra tính phù hợp của danh mục tài liệu, báo cáo và đối chiếu với các quy định hiện hành về CBTT, lập văn bản công bố thông tin trình NCBTT phê duyệt..

3. Báo cáo và công bố thông tin

Sau khi được NCBTT phê duyệt, Văn phòng Tổng công ty gửi đến UBCKNN, SGDCK; đồng thời đăng trên trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK, và các phương tiện thông tin đại chúng (nếu có) đúng thời hạn quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan;

Việc gửi thông tin công bố đến UBCKNN, SGDCK được thực hiện dưới hình thức dữ liệu thông tin điện tử qua email hoặc bản fax trước. Bản giấy sẽ được chuyển qua đường công văn sau.

4. Bảo quản và lưu trữ thông tin

- Thông tin công bố được lưu giữ tại bộ phận quản lý trực tiếp và Văn phòng Tổng công ty dưới dạng văn bản và file dữ liệu theo nguyên tắc quy định tại Điều 5 Quy chế này;

- Văn phòng Tổng công ty có trách nhiệm lưu trữ theo quy định hiện hành đối với các báo cáo đã gửi đi có đóng dấu công văn đi, các giấy báo phát của bưu điện để làm bằng chứng cho việc gửi báo cáo, công bố thông tin của Tổng công ty và cùng với Thư ký Tổng công ty phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết theo yêu cầu của nhà đầu tư và các cơ quan/tổ chức khác (nếu có);

Báo cáo gửi qua email phải được lưu trữ trên máy tính và in ra để lưu kèm với bản lưu công văn đi. Báo cáo gửi bằng fax phải lưu kèm báo cáo kết quả truyền fax được in ra từ máy fax.

Mục 2
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính Quý

a. Tổng công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính Quý hoặc Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có), bao gồm Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất.

b. Báo cáo tài chính Quý phải là Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán, bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

c. Toàn văn Báo cáo tài chính quý hoặc Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

d. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

- Tổng công ty phải công bố Báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý hoặc công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

- Trường hợp Tổng công ty công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

2. Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng đầu năm)

a. Tổng công ty phải lập và công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên (bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm tài chính) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

b. Báo cáo tài chính bán niên phải là Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ, bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh và phải được soát xét theo công tác soát xét Báo cáo tài chính, tuân thủ Chuẩn mực kiểm toán.

c. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

d. Thời hạn công bố Báo cáo tài chính bán niên

Tổng công ty phải công bố Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Báo cáo tài chính năm

Tổng công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm (bao gồm Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất) đã được kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo kiểm toán theo nguyên tắc:

a. Báo cáo tài chính năm của Tổng công ty phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b. Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần thì Tổng công ty phải công bố kèm theo văn bản giải trình của Tổng công ty.

c. Thời hạn công bố Báo cáo tài chính năm

Tổng công ty phải công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3, Điều này, Tổng công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Tổng công ty phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của Công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty.

6. Tổng công ty phải lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục I.3 ban hành kèm theo Quy chế này và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a. Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải công bố trên cổng thông tin điện tử của Tổng công ty và và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

b. Tổng công ty phải công bố thông tin về Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong vòng 24 giờ kể từ khi thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông.

8. Tổng công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục I.4 ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường

1. Tổng công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a. Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tổng công ty có quyết định tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

c. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản); Trường hợp Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỉ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d. Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật;

đ. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, tên Tổng công ty, con dấu của Tổng công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, Văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh

nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;

k. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin được thực hiện như sau:

- Trường hợp Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định của pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

- Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Tổng công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

l. Tổng công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (nêu rõ thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty). Đồng thời, Tổng công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK bản cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này;

m. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất);

n. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Tổng công ty, người nội bộ của Tổng công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng công ty;

o. Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Tổng công ty vi phạm pháp luật về thuế;

p. Tổng công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

r. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (báo cáo tài chính hợp nhất);

s. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);

t. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty;

u. Trường hợp Tổng công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Tổng công ty, Tổng công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

v. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

2. Tổng công ty khi CBTT bất thường quy định tại khoản 1 (trừ các điểm q, r, s) điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 10, Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Tổng công ty phải công bố trên cổng thông tin điện tử của Tổng công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:

a. Tổng công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại khoản b điều này;

b. Tổng công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến;

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Tổng công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 11 Quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Tổng công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK trong các trường hợp sau đây:

a. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b. Có thông tin liên quan đến Tổng công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Tổng công ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Tổng công ty khi thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết phải thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tổng công ty phải CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên cổng thông tin điện tử của Tổng công ty, của SGDCK và TCTLKCK theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong số kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Mục 3

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 14. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn và nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Tổng công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho UBCKNN, SGDCK, Tổng công ty (theo m tại Phụ lục I.5 ban hành kèm theo theo Quy chế này) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Tổng công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 01% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Tổng công ty trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (theo Phụ lục số I.6 ban hành kèm theo Quy chế này).

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 01% nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán và được xác định như sau:

a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;

b. Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

d. Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

đ. Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e. Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua SGDCK.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng trong trường hợp Tổng công ty khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn tại Công ty đại chúng và khi đang là cổ đông lớn mà có sự tăng, giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 01% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

5. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng với đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết quyết của Tổng công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài này thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I.7 và Phụ lục I.8 ban hành kèm theo Quy

chế này căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

6. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

7. Tổng công ty công bố trên cổng thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của người nội bộ (sau đây gọi là người có liên quan) phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK, Tổng công ty khi giá trị dự kiến giao dịch trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) cụ thể như sau:

a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục I.9 hoặc Phụ lục 1.10 ban hành kèm theo Quy chế này;

b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giaofniee dịch liền sau ngày có CBTT từ SGDCK;

c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d. Người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi hoặc chứng quyền có bảo đảm của Tổng công ty trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên

phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

đ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Tổng công ty và người liên quan phải CBTT cho UBCKNN, SGDCK, báo cáo cho Tổng công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục I.11 hoặc Phụ lục I.12 ban hành kèm theo Quy chế này;

e. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan;

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 14 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Tổng công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Tổng công ty hoặc người có liên quan, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Tổng công ty (nếu có), khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Tổng công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp Công ty mẹ của Tổng công ty, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty (Công đoàn, Đoàn thanh niên…), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Tổng công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ và người có liên quan.

7. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Tổng công ty phải công bố trên cổng thông tin điện tử của Tổng công ty.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Khi thực hiện chào mua công khai hoặc trở thành công ty mục tiêu, Tổng công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

Mục 4
TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 17. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Tổng công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác). Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Tổng công ty có trách nhiệm công bố, báo cáo đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG III
CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 18. Hình thức và phương tiện công bố thông tin

1. Hình thức công bố thông tin gồm văn bản và dữ liệu điện tử.

2. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a. Cổng thông tin điện tử (Web Portal) của Tổng công ty: http://www.vnsteel.vn;

b. Trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

c. Cổng thông tin doanh nghiệp (http://www.business.gov.vn);

f. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

3. Trường hợp thời điểm thực hiện công bố thông tin trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin vào ngày làm việc đầu tiên ngay sau ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 19. Tài khoản Công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử

1. Tổng công ty thực hiện đăng ký và thiết lập tài khoản CBTT theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo công văn số 6296/BKHĐT-PTDN ngày 18/9/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm cả các văn bản sửa đổi, thay thế, nếu có)

2. Tài khoản công bố thông tin của Tổng công ty trên Cổng thông tin doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin về người đại diện theo pháp luật: Họ và tên, số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân; số điện thoại; thư điện tử; chức vụ.

b) Thông tin cơ bản về Tổng công ty: Tên; mã số, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, thư điện tử, cổng thông tin điện tử; cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có); tỷ lệ vốn nhà nước tại Tổng công ty.

3. NCBTT của Tổng công ty và nhân viên thực hiện CBTT cùng cá nhân, phòng ban nghiệp vụ liên quan có trách nhiệm bảo quản tài khoản và mật khẩu của tài khoản này; Tổng công ty phải thông báo kịp thời cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư nếu tài khoản, mật khẩu bị mất, đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép tài khoản.

Điều 20. Các thông tin công bố định kỳ

Tổng công ty định kỳ công bố các thông tin sau đây:

a) Thông tin cơ bản và Điều lệ Tổng công ty;

b) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm theo nội dung quy định tại Phụ lục II.2 kèm theo Quy chế này; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

c) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của Tổng công ty theo nội dung quy định tại Phụ lục II.3 kèm theo Quy chế này; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;

d) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của Tổng công ty theo nội dung quy định tại Phụ lục II.4 kèm theo Quy chế này; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

đ) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trong vòng 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 21. Các thông tin công bố bất thường

Tổng công ty phải công bố trên cổng thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính; Cổng thông tin của Tổng công ty và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a) Tài khoản của Tổng công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Tổng công ty;

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Tổng công ty;

d) Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc; Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát; Kế toán trưởng, Trưởng Ban Tài chính kế toán của Tổng công ty.

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý Tổng công ty;

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của Tổng công ty;

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

Điều 22. Thực hiện công bố thông tin

1. Cung cấp, xử lý thông tin; trình NCBTT phê duyệt.

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 10 Quy chế này.

2. Báo cáo và công bố thông tin

Sau khi được NCBTT phê duyệt, Văn phòng Tổng công ty thực hiện đăng tải các thông tin theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Quy chế này trên Cổng công ty của Tổng công ty đúng thời hạn; đồng thời gửi báo cáo tới cơ quan đại diện chủ sở hữu. Đối với nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

Điều 23. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Tổng công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì lý do bất khả kháng hoặc cần sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối những nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

2. Tổng công ty phải công bố trên cổng thông tin điện tử việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục hoặc sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

CHƯƠNG IV
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty thực hiện tốt công tác quản lý, công bố thông tin có tác dụng tích cực đối với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty được xem xét, đề nghị khen thưởng theo Quy chế Thi đua, khen thưởng của Tổng công ty.

Điều 25. Kỷ luật

Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty có hành vi vi phạm quy trình công bố thông tin; tiết lộ bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, công bố thông tin sai sự thật hoặc vi phạm thời hạn công bố bị UBCKNN, SGDCK hoặc cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và uy tín

của Tổng công ty sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành của Tổng công ty và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế của Tổng công ty được áp dụng trong hoạt động của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP theo quy định của pháp luật, những nội dung chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc những nội dung trong quy chế này trái với quy định của pháp luật hiện hành sẽ được điều chỉnh theo bởi quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ, Thư ký Tổng công ty và các Ban nghiệp vụ, các cổ đông, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định trong Quy chế này.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung quy chế

1. Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP có trách nhiệm triển khai thực hiện hoạt động công bố thông tin theo quy định tại quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc nội dung nào không phù hợp thực tế, pháp luật hiện hành, các Ban nghiệp vụ và bộ phận, cá nhân có liên quan phản anh về Tổng công ty (qua Ban Pháp chế) để tổng hợp, báo cáo Tổng giám đốc trình HĐQT xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100105041 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM CTCP
Q. ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI

Lê Song Lai

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục I.1 GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN 2
Phụ lục I.2 BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN 3
Phụ lục I.3 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 7
Phụ lục I.4 BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY 15
Phụ lục I.5 BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG 20
Phụ lục I.6 BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG 22
Phụ lục I.7 BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG 24
Phụ lục I.8 BÁO CÁO THAY ĐỔI VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG . 27
Phụ lục I.9 THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ 30
Phụ lục I.10 THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN . 32
Phụ lục I.11 BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN 34
Phụ lục I.12 BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN 37
Phụ lục II.1 GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN 40
Phụ lục II.2 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 42
Phụ lục II.3 BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP 6 THÁNG/NĂM … 45
Phụ lục II.4 BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 48

Phụ lục I.1

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..../GUQ-VNS Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin	*..., ngày... tháng....năm....*

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là "Bên A"):

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

- Tên giao dịch của tổ chức, công ty: ....
- Mã chứng khoán: ....
- Địa chỉ liên lạc: ....
- Điện thoại:..... Fax: ..... Email:.....
- Website: .....

II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là "Bên B")

- Ông (Bà): ....
- Số CMND (hoặc số hộ chiếu): ....
- Ngày cấp: ....
- Địa chỉ thường trú: ....
- Chức vụ tại tổ chức, công ty: ....

III. Nội dung ủy quyền

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm "Người được ủy quyền công bố thông tin" của Bên A.

- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ..... đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của ..... (Tên tổ chức, công ty, công ty quản lý quỹ.

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**	**BÊN B** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Tài liệu đính kèm:

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục I.2

Phụ lục I.2
BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày.... tháng ... năm....

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

1/ Họ và tên: ....
2/ Giới tính: ....
3/ Ngày tháng năm sinh: ....
4/ Nơi sinh: ....
5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu):..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
6/ Quốc tịch: ....
7/ Dân tộc: ....
8/ Địa chỉ thường trú: ....
9/ Số điện thoại: ....
10/ Địa chỉ email: ....
11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: ....
12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: .....
13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: .....
14/ Số CP nắm giữ: ..... chiếm ..... % vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: ....
+ Cá nhân sở hữu: ....
15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): ....
16/ Danh sách người có liên quan của người khai[1]:.....
17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): ....
18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): ....

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

[1] Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Nguyễn Văn A	xxxxxx x	Chủ tịch HĐQT		CMND *ID*	024123456	17/12/2015	HCM City's Public Security	16 Võ Văn Kiệt, Distric 1, HCMC			01/01/2020	15/05/2020	Miễn nhiệm	
1.01		Nguyễn Thị B	yyyyyy y		Vợ	CMND	025123456	11/05/2016	HCM City's Public Security	1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, District 1, HCMC			04/05/2018			
1.02																
15		Nguyễ n Văn C	zzzzzzz z	Kế toán trưởng		CMND	020123456	11/02/2011	Public Security				14/03/2020		Bổ nhiệm	
....																
15.25		Nguyễ n Thị D			Con											
15.26		Công ty Cổ phần ABC			Tổ chức có liên quan	GCNĐKD	30123456	15/10/2014					15/04/2020		Bổ nhiệm	Nguyễn Văn c là thành viên HĐQT CTCP ABC

Phụ lục I.3
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../BC-VNS	*..., ngày... tháng...năm....*

BÁO CÁO
Thường niên năm

Kính gửi: ....

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: ....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: ....
- Vốn điều lệ: ....
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: ....
- Địa chỉ: ....
- Số điện thoại: ....
- Số fax: ....
- Website: ....
- Mã cổ phiếu (nếu có): ....
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay): ....
- Các sự kiện khác: ....

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất) .....
- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất) ....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020) ....
- Cơ cấu bộ máy quản lý: ....
- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết) ....

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: ....

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: ....

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: .....

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...): ....

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... .....

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề ....

2. Tổ chức và nhân Sự

- Danh sách Ban điều hành (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

- Những thay đổi trong ban điều hành (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình dầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn*:* Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết*).*

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết*)*

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	% tăng giảm
** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân*			

hàng Tổng giá trị tài sản Doanh thu thuần Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Lợi nhuận khác Lợi nhuận trước *thuế* Lợi nhuận sau thuế Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức ** Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng* Tổng giá trị tài sản Doanh thu Thuế và các khoản phải nộp Lợi nhuận trước thuế Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất:

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngăn hạn			
2. *Chỉ tiêu về cơ cấu vốn* + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu			
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình			

quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng

Chỉ *tiêu*	**Năm X-1**	**Năm X**	**Ghi chú**
1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ			
Tổng tài sản có			
Tỷ lệ an toàn vốn			
2. *Kết quả hoạt động kinh doanh*			
Doanh số huy động tiền gửi			
Doanh số cho vay			
Doanh số thu nợ			
Nợ quá hạn			
Nợ khó đòi			
Hệ số sử dụng vốn			
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư *nợ*			
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
3. *Khả năng thanh khoản*			
Khả năng thanh toán ngay			
Khả năng thanh toán chung			

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài

b) Cơ cấu cổ đông: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cấp)*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến *này*

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Lưu ý: *(Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)*

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Quản trị công *ty*

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công *ty.* Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán:* Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ.

Nơi nhận:

- ….;
- Lưu: VT, ...

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục I.4

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../BC-VNS	*..., ngày... tháng...năm....*

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
(6 tháng/năm)

Kính gửi:
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- Tên công ty: ....
- Địa chỉ trụ sở chính: ....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
- Vốn điều lệ: ....
- Mã chứng khoán: ....
- Mô hình quản trị công ty: ....

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc: ....

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị: ....

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ Chưa thực hiện: ....

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn *bản).*

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ *(thành viên*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập

		HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	**Ngày bổ nhiệm**	**Ngày miễn nhiệm**
	Ông/Bà			

2. Các cuộc họp HĐQT

Stt	**Thành viên HĐQT**	**Số buổi họp HĐQT tham dự**	**Tỷ lệ tham dự họp**	**Lý do không tham dự họp**
	Ông/Bà			

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm)

Stt	**Số Nghị quyết/ Quyết định**	**Ngày**	**Nội dung**	**Tỷ lệ thông qua**

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán

Stt	**Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán**	**Chức vụ**	**Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán**	**Trình độ chuyên môn**
	Ông/Bà			

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán

Stt	**Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán.**	**Số buổi họp tham dự**	**Tỷ lệ tham dự họp**	**Tỷ lệ biểu quyết**	**Lý do không tham dự họp**
	Ông/Bà				

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)

IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
	Ông/ Bà			

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm

VI. Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức /cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH *, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty

Ghi chú/Note: số Giấy NSH: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công	Số Giấy NSH*, ngày	Địa chỉ trụ sở chính/	Thời điểm giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của	Nội dung, số lượng,	Ghi chú

		ty	**cấp, nơi cấp *NSH***	**Địa chỉ liên hệ**	**với công ty**	**ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua** (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	**tổng giá trị giao dịch**	

Ghi chú/Note: số Giấy NSH: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Stt	**Người thực hiện giao dịch**	**Quan hệ với người nội bộ**	**Chức vụ tại CTNY**	**Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp**	**Địa chỉ**	**Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát**	**Thời điểm giao dịch**	**Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch**	**Ghi chú**

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội *bộ* công *ty*

STT	**Họ tên**	**Tài khoản**	**Chức vụ tại công**	**Số CMND**	**Địa chỉ**	**Số cổ phiếu**	**Tỷ lệ sở hữu cổ**	**Ghi chú**

		giao dịch chứng khoán (nếu có)	**ty** (nếu có)	**/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp**	**liên hệ**	**sở hữu cuối kỳ**	**phiếu cuối kỳ**	
1	Tên người nội bộ							
	Tên người có liên quan của người nội bộ							
	…							
2								

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

Stt	**Người thực hiện giao dịch**	**Quan hệ với người nội bộ**	**Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ**		**Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ**		**Lý do tăng, giảm** (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	**Tỷ lệ**	**Số cổ phiếu**	**Tỷ lệ**	

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác

Nơi nhận:
- …;
- Lưu: VT ,...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Sign, full name and seal)

Phụ lục I.5

BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../BC-VNS	*..., ngày... tháng...năm....*

BÁO CÁO

Về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn nhất, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đón

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư: ....

- Quốc tịch: ....

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp: ....

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính: ....

- Điện thoại:..... Fax: ..... Email: ..... Website:.....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan: ....

- Quốc tịch: ....

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có): .....

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư: ....

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: ....

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu: .....

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục *3/* Tại công ty chứng khoán: ....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: ....

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của quỹ đóng: .....

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi: ....

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng: ....

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ: ....

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch: ....

Nơi nhận:
- ...;
- Lưu: VT, ...

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)

Phụ lục I.6

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../BC-VNS	*..., ngày... tháng...năm....*

BÁO CÁO

Về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ đóng

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư: ....
- Quốc tịch: ....
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp.
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính: ....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: ....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan: ....
- Quốc tịch: ....
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp: ....
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có): .....
- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư: ....

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu: .....

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3 tại công ty chứng khoán: .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: ....

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi .....

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: ....

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ: ....

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: ....

10. Lý do thay đổi sở hữu: .....

11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu: .....

12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có): .....

Nơi nhận:
- ...;
- Lưu:

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

Phụ lục I.7

BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng...năm....

BÁO CÁO
Về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP.

1. Chúng tôi là: *(thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin)*:

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân	**Số Giấy NSH***	**Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email**
1-Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)		
a) Tên tổ chức		
b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền		
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc):		

Ghi chú NSH: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu pháp lý tương đương.*

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan

STT	**Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan**	**MSGD của nhà đầu tư**	**Tên đại diện giao dịch (nếu có)**

1			
2			

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng /mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo: .....

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn: .....

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên dẫn tới cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn:

TT	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Tài khoản lưu ký chứng khoán	Trước giao dịch		Sau giao dịch		Số lượng đã giao dịch (Mua/ bán)
				Số lượng sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8>|(6)-(4)|
1								
2								
Tổng cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan								

Ghi chú

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán

6. Ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn: .....

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin

- Trường hợp là cá nhân

Họ và tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền_____

- Trường hợp là tổ chức

Tên tổ chức được chỉ định_____

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu) _____

Chức danh:

Ngày thực hiện:

Nơi nhận:
- ….;
- Lưu: VT, ...

Phụ lục I.8

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng...năm....

BÁO CÁO
Thay đổi về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ động lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ đóng

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP

1. Chúng tôi là: *(thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin/)*

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân	**Số Giấy NSH***	**Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)**
1-Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)		
a)Tên tổ chức		
b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền		
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc)		

Ghi chú NSH: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu pháp lý tương đương.*

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan:

STT	**Tên nhà đầu tư nước**	**MSGD của nhà đầu**	**Tên đại diện giao dịch**

	ngoài có liên quan	tư	(nếu *có)*
1			
2			

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng/mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo: .....

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%):.....

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên trong nhóm, dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%):.....

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Tài khoản lưu ký chứng khoán	Trước giao dịch		Sau giao dịch		Số lượng đã giao dịch (Mua/bán)
				Số lượng sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=|(6)-(4)|
1								
2								
Tổng cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan								

Ghi chú:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cả nhóm vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1 %);

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán

6. Ngày thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm *(1%)*

7. Các thay đổi quan trọng khác nếu có*):* Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin

- Trường hợp là cá nhân: .....

Họ và tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền:_____

- Trường hợp là tổ chức

Tên Tổ chức được chỉ định _____

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu)

Chức danh

Ngày thực hiện

Nơi nhận:
- ….;
- Lưu: VT, ...

Phụ lục I.9

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../BC-VNS	*..., ngày... tháng...năm....*

THÔNG BÁO

Giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức: .....
- Quốc tịch: .....
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại:. ..... Fax:..... Email:..... Website:.....
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)

- Họ và tên người nội bộ: .....
- Quốc tịch: .....
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước: .....
- Địa chỉ thường trú: .....
- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* ..... Fax: ..... Email: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: .....

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ: .....

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu *có):* .....

3. Mã chứng khoán giao dịch: .....

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm): .....

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục *3:* ..... tại công ty chứng khoán: .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: .....

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm *

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi: .....

- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi): .....

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch:

7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá): .....

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm): .....

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: .....

9. Mục đích thực hiện giao dịch:.....

10. Phương thức giao dịch: .....

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày .... đến ngày .....

** Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch/*

Nơi nhận:
- ...;
- Lưu: VT,..

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

Phụ lục I.10

THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng...năm....

THÔNG BÁO

Giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức: .....

- Quốc tịch: .....

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp:

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: ..... Fax:..... Email: ..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: .....

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)

- Họ và tên người nội bộ: .....

- Quốc tịch: .....

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước: .....

- Địa chỉ thường trú: .....

- Điện thoại liên hệ: ..... Fax: ..... Email: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có): .....

3. Mã chứng khoán giao dịch: .....

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3: .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: ....

6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có: .....

- Số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi: ....

- Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi hiện có: ....

7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi): .....

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi *(đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)* đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng: .....

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng): .....

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký giao dịch: .....

9. Giá trị chuyển nhượng dự kiến: ....

10. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: ....

11. Phương thức giao dịch: ....

12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày…. đến ngày....

Nơi nhận:
- ….;
- Lưu: VT, …

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)

Phụ lục I.11

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng...năm....

BÁO CÁO
Kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức: ....

- Quốc tịch: ....

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp: ....

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính: ....

- Điện thoại:..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ....

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có): ..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ..... (nêu rõ lý do): .....

**: Mục này chỉ dành cho trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch *(đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)*

- Họ và tên người nội bộ: .....

- Quốc tịch: ....

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước: .....

- Địa chỉ thường trú: ....

- Điện thoại liên hệ: ..... Fax: ..... Email: .....

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch: ....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: .....

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ: .....

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có): ....

3. Mã chứng khoán giao dịch: ....

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm): ....

4.Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3:..... tại công ty chứng khoán: ....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: ....

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm (đối với chứng quyền có bảo đảm): ....

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng): ....

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch:

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua /bán/ cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi):

....

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi): ....

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch:

8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá): ....

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch: .....

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch: ....

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên qua: ....

10. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm *..... ....

11. Phương thức giao dịch: ....

12. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày ..... đến ngày.....

13. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)

**: Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch.*

Nơi nhận:
- ….;
- Lưu: VT, …

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

Phụ lục I.12

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../BC-VNS	*..., ngày... tháng...năm....*

BÁO CÁO

Kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch: ....

2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức: ....

- Quốc tịch: ....

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp: ....

- Địa chỉ liên hệ/Đia chỉ trụ sở chính: ....

- Điện thoại: .....Fax:.....Email:....Website:..... .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ..... (nêu rõ lý do) *

(: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng).*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch *(đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng).*

- Họ và tên người nội bộ: ....

- Quốc tịch: ....

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước: ....

- Địa chỉ thường trú: ....

- Điện thoại liên hệ: ..... Fax: .....Email: .....

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ.

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có):

3. Mã chứng khoán giao dịch: ....

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3:..... tại công ty chứng khoán: ....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi: ....

6. Số lượng trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi:

7. Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch: ....

8. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: .....

9. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng: .....

- Loại giao dịch đăng ký thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng) ....

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký thực hiện: .....

10. Số lượng quyền mua *(đối với giao dịch quyền mua)* hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi *(đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu)* đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng): ....

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đã thực hiện: .....

11. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá hoặc giá phát hành): .....

12. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: ....

13. Phương thức giao dịch: ....

14. Thời gian thực hiện giao dịch từ ngày/from ..... đến ngày/to.....

15. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký): ....

Trường hợp báo cáo kết quả giao dịch chuyển nhượng quyền cần gửi kèm tài liệu xác nhận giá trị giao dịch chuyển nhượng quyền.

Nơi nhận:
- ...;
- Lưu: VT, ...

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

Phụ lục II.1

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
0100100047

Số: ..../GUQ-VNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng..... năm.....

Kính gửi:

- Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

I. BÊN ỦY QUYỀN (Bên A):

Tên giao dịch của doanh nghiệp: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Website: .....

II. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B):

Ông (Bà): .....

Số CMND/CCCD: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Điện thoại liên hệ:.....Email: .....

Chức vụ tại doanh nghiệp: .....

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Bên A ủy quyền cho Bên B làm "Người được ủy quyền công bố thông tin" của Bên A.

Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ..../..../.... đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của ..... (Tên Doanh nghiệp)

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**BÊN B** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Nơi nhận:
- ….;
- Lưu: VT, ...

Phụ lục II.2

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM.....

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP **0100100047**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-VNS	*....., ngày ..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM .....

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM....

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1;

- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản phẩm 1				
b)	Sản phẩm 2				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng			
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng			
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu *(nếu có)*	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (*nếu*				

	có)				
8	Tổng số lao động	Người			
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng			
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng			
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng			

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia							
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	***Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ***									
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2	***Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ***									
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

Nơi nhận:
- ….;
- Lưu: VT, ...

Phụ lục II.3

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP 6 THÁNG/NĂM ...

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP **0100100047**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-VNS	*....., ngày ..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO
THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP 6 THÁNG/NĂM ...

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản,...

BẢNG SỐ 1: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1				
2				
3				
....				

II. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

BẢNG SỐ 2: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					

3					
....					

Giải thích:

(2): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(3): Thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(4): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay...);

(5): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..);

(6): Ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

III. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH GIỮA DOANH NGHIỆP VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC:

Thông tin về các giao dịch có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên của doanh nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu... theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Nội dung giao dịch	Đối tác giao dịch	Thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
...					

Giải thích:

(2): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay, Hợp đồng mua sắm...);

(3): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(4): Thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(5): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..);

(6): Ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

Nơi nhận:
- ….;
- Lưu: VT, ...

Phụ lục II.4

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM.....

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM – CTCP **0100100047**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-VNS	*....., ngày ..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO
THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM .....

I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

1. Thông tin chung

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

2. Các quyết định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Thống kê các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Bảng số 1.

BẢNG SỐ 1: CÁC QUYẾT ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung *(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)*
1			
2			
3			
...			

II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Danh sách người quản lý doanh nghiệp: liệt kê thông tin cụ thể theo Bảng số 2.

BẢNG SỐ 2: DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Kinh nghiệm	Các vị trí quản

			chuyên môn	nghề nghiệp	lý đã nắm giữ
1					
2					
3					
...					

2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người quản lý doanh nghiệp.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của từng người quản lý doanh nghiệp theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương	Hệ số	Tiền lương/năm	Tiền thưởng, thu nhập khác
1						
2						
3						
....						

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản... theo Bảng số 4

BẢNG SỐ 4: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung *(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)*
1				
2				
3				
...				

III. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

1. Thông tin về Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

BẢNG SỐ 5: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ tham dự họp
1						
2						
3						
...						

2. Các báo cáo của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

IV. BÁO CÁO KẾT LUẬN CỦA CƠ QUAN THANH TRA *(nếu có)*

V. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách Người có liên quan củaTổng công ty

BẢNG SỐ 6: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Chức vụ (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do không còn là người liên quan
1						
2						
3						
....						

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan

BẢNG SỐ 7: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyếtHĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					

2					
3					
....					

Giải thích:

(2): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(3): Thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(4): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồngmua bán, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay...);

(5): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..);

(6): Ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tổng số lao động của Tổng công ty (người):
- Mức lương trung bình người lao động/năm (triệu đồng):
- Tiền thưởng, thu nhập khác của người lao động/người/năm (triệu đồng).

Nơi nhận:
- ….;
- Lưu: VT, ...